TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2024
V/v "tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Kim Yến

2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 989/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1982

Địa chỉ nơi cư trú: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh *(Bà Th có mặt)*.

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961

Địa chỉ nơi cư trú: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh *(ông D có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là bà Trần Thị Th trình bày:

Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống vào năm 2004, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 191/2011, quyển số /2011 ngày 23/9/2011). Sau khi kết hôn, giữa bà Th và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông D không chịu tìm việc làm, nhiều năm thất nghiệp, lấy lý do phải chăm sóc mẹ mà không có hướng giải quyết, không có sự bàn bạc để chia sẻ trách nhiệm với anh em trong nhà cho ổn thỏa để đi làm phụ vợ con.

Trong thời gian sống chung, ông D rất thường nhậu say, về chửi mắng, cầm dao đe dọa và đánh đuổi vợ con. Ông D thường hay đưa bạn bè về nhậu, vứt tàn thuốc đầy nhà, say xỉn, mở loa hát ồn ào làm ảnh hưởng đến gia đình, con cái vì không được nghỉ ngơi. Khi bà Th góp ý thì những người bạn nhậu của ông D lớn tiếng và còn đe dọa bà. Ngoài ra, ông D thường có những lời lẽ xúc phạm, nghe lời bạn bè xấu rồi vu oan cho bà Th ngoại tình, chửi bới vợ. Sự việc tiếp diễn lâu ngày dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Trước đây bà Th cũng đã từng nộp đơn ly hôn nhưng sau đó bà suy nghĩ nên đã bỏ qua và tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, sự việc vẫn tiếp diễn, ông D vẫn thường xuyên nhậu say. Từ khoảng hơn tháng nay hai bên đã sống ly thân. Thời gian ly thân ông D nhiều lần nhắn tin, xúc phạm và cho rằng bà Th ngoại tình với người khác. Do đó, bà Th yêu cầu ly hôn với ông D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Th và ông D có một con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/2/2004 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông D thống nhất với trình bày của bà Th về thời gian kết hôn, thời gian chung sống. Ông D cho rằng sau khi bị tai nạn phải nghỉ làm nên có suy nghĩ tiêu cực, hay uống rượu và những khi không kiềm chế được thì có lời lẽ xúc phạm vợ, nghi ngờ vợ ngoại tình, đe dọa và chửi mắng vợ con. Lý do ông hay uống rượu là vì vợ xem thường nên buồn và có suy nghĩ tiêu cực. Ông có hứa sẽ bỏ rượu nhưng khi nào bà Th đồng ý quay về nhà thì ông mới bỏ rượu. Ông không đồng ý ly hôn vì muốn giữ gia đình sum họp.

Về con chung: Bà Th và ông D có một con chung tên Nguyễn Minh Hùng, sinh ngày 22/2/2004, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Th trình bày: Bà vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông D vì không còn tình cảm, ông D không thay đổi, thường tụ tập bạn bè uống rượu và không chịu đi làm. Trong thời gian ly thân ông D vẫn nhắn tin xúc phạm, đe dọa và nghi ngờ bà ngoại tình.

Ông D trình bày: Vì nghĩ vợ xem thường nên ông có suy nghĩ tiêu cực, khi buồn thì hay uống rượu và cho bạn bè thuê nhà của ông làm mặt bằng tụ tập uống rượu. Mỗi khi uống rượu ông không kềm chế được nên có lời lẽ xúc phạm, đe dọa và nghi ngờ vợ ngoại tình, sau khi tỉnh rượu thì mới biết mình sai. Nay bà Th nhất quyết đòi ly hôn, ông cũng không thể làm gì được, đề nghị Tòa cứ xử theo yêu cầu của bà Th. Do ông theo đạo công giáo, không được phép ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn B, quyển số /2011 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/9/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn D có phát sinh mâu thuẫn, ông D thường xuyên uống rượu say, xúc phạm và chửi mắng vợ. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông D không có sự yêu thương tôn trọng và không có mong muốn hay biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn và nhân gia đình năm 2014 có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th. Về con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn – bà Trần Thị Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Văn D. Ông D có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Th: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số B, quyển số /2011 ngày 23/9/2011 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ vào trình bày của bà Th và ông D thì quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn do ông D không chịu tìm việc làm, thường xuyên nhậu say, nghi ngờ bà Th ngoại tình và nhiều lần chửi mắng, xúc phạm, cầm doa đe dọa, đánh đuổi vợ, con. Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa, ông D thừa nhận có lời lẽ xúc phạm, chửi mắng, đe dọa đuổi vợ, con và nghi ngờ bà Th ngoại tình, mặc dù không có chứng cứ gì. Như vậy, ông D đã vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và "giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau" được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong thời gian cả hai sống ly thân, ông D không khắc phục khuyết điểm (uống rượu) và không có biện

pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục nghi ngờ, xúc phạm bà Th. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Th và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Th yêu cầu ly hôn với ông D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn D có một con chung tên Nguyễn Minh Hùng, sinh ngày 22/02/2004 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn D yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn D khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ vì phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được cấn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024075 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 21, 51, 56, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Trần Thị Th:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

1.2 Về con chung: Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn D có một con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 22/2/2004, đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

1.3 Về tài sản chung: Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn D không có nợ chung.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được cấn trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024075 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THA DS Q.Tân Bình;
- UBND Phường X, Q.Y;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Trương Lê Diễm Thúy